

Chỉ số chiều cao của học sinh tiểu học Quận Thanh Khê

Quận Thanh Khê là đơn vị hành chính có diện tích nhỏ nhất của thành phố, được thành lập từ tháng 01/1997. Diện tích là 9,47 km², chiếm 4,5% diện tích toàn thành phố. Dân số là 191.541 người, chiếm 21,17% dân số toàn thành phố. Là một quận có mật độ dân số đông nhất thành phố, tuy nhiên lại phân bố không đều, ở các phường hoạt động thương mại dịch vụ có mật độ dân số rất cao, lên đến 20.226 người/km² (2017), cao hơn rất nhiều so với các phường hoạt động nông nghiệp. Quận Thanh Khê nằm trên đầu mối giao thông liên vùng và quốc tế, nằm kề sân bay Đà Nẵng, nhà ga đường sắt, bến xe khách nội tỉnh - liên tỉnh và đường quốc lộ 1A, là quận có nhiều lợi thế trong phát triển thương mại, dịch vụ, giao thông vận tải và kinh tế biển.

Học sinh tiểu học quận Thanh Khê phân bố trên 15 trường tiểu học, trong đó có nhiều trường mới thành lập. Chiều cao trung bình của học sinh tiểu học trên địa bàn quận phát triển tương đối đồng đều và đa số đạt trên mức chuẩn. Tiến hành đo chiều cao trên 328 học sinh nam và 283 học sinh nữ ở lứa tuổi từ 6 đến 10 cho kết quả ở bảng 2.4 và bảng 2.5.

Bảng 2.4 So sánh chỉ số chiều cao của học sinh tiểu học quận Thanh Khê và chiều cao trẻ em Việt Nam cùng lứa tuổi

(Đối với Nam)

Nam – Thanh Khê	Trung bình (cm)	Độ lệch chuẩn	Trung bình trẻ em Việt Nam (2001) (cm)	Độ lệch chuẩn TKhảo	t tính	t bảng	P
Lớp 1 – 6 tuổi	121.5	5.52	113.69	6.218	11.780	3.291	0.001
Lớp 2 – 7 tuổi	126.6	5.59	118.56	5.701	11.884	3.291	0.001
Lớp 3 – 8 tuổi	131.5	5.21	123.78	6.308	11.985	3.291	0.001

Lớp 4 – 9 tuổi	136.4	6.27	128.49	6.250	10.034	3.291	0.001
Lớp 5 – 10 tuổi	139.4	7.06	132.82	6.582	6.859	3.291	0.001

Nhận xét: Chỉ số phát triển chiều cao tốt, chiều cao trung bình lớn hơn chiều cao trung bình của trẻ em Việt Nam cùng lứa tuổi. Chiều cao vượt chuẩn lớn, trên 6.58 cm. Sự khác biệt có ý nghĩa ở ngưỡng xác suất $P= 0.001$ với chỉ số $t_{\text{tính}} \geq 6.859$ lớn hơn rất nhiều so với $t_{\text{bảng}}=3.291$.

Chủ nhiệm đề tài
ThS. Lê Đức Trọng